BỘ XÂY DỰNG
**TRƯỜNG ĐH KIẾN TRÚC HÀ NỘI**

Số: 178 / QĐ-ĐHKT-SĐH

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Hà Nội, ngày 9 tháng 6 năm 2026*

# QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công nhận ứng viên trúng tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ đợt 1 năm 2026**

## HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI

*Căn cứ Quyết định số 181-CP ngày 17/9/1969 của Hội đồng chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kiến trúc;*

*Căn cứ Quyết định số 1436/2022/QĐ-BXD ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc quy định Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội;*

*Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;*

*Căn cứ Quyết định số 04 /QĐ-ĐHKT-SĐH ngày 12/01/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội về việc ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ tại Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội;*

*Căn cứ Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ đợt 1 năm 2026 (lần 2) ngày 09 / 6 / 2026;*

*Theo đề nghị của Trưởng khoa Đào tạo Sau đại học.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1**. Công nhận các ứng viên trúng tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ đợt 1 năm 2026 của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội (*danh sách kèm theo*).

**Điều 2**. Ứng viên trúng tuyển có trách nhiệm làm thủ tục nhập học và bảo vệ đề cương nghiên cứu theo Quy chế và Quy định đào tạo trình độ tiến sĩ hiện hành.

**Điều 3**. Trưởng khoa Đào tạo Sau Đại học, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Trường và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Như điều 3;
- Lưu VT; SĐH.

**HIỆU TRƯỞNG**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC

**PGS.TS. Vũ Ngọc Anh**

# DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ ĐỢT 1 NĂM 2026

*(Kèm theo Quyết định số: 179 /QĐ-ĐHKT-SĐH ngày 9 tháng 6 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)*

| TT | Họ và tên ứng viên | Giới tính | Ngày/tháng/ năm sinh | Ngành – Mã ngành |
|---|---|---|---|---|
| 1. | Dân Quốc Cương | | 23/12/1985 | Kỹ thuật xây dựng - 9580201 |
| 2. | Nguyễn Như Dũng | | 12/6/1990 | Kỹ thuật xây dựng - 9580201 |
| 3. | Trần Anh Đức | | 14/10/1999 | Kỹ thuật xây dựng - 9580201 |
| 4. | Nguyễn Danh Hoàng | | 22/4/1988 | Kỹ thuật xây dựng - 9580201 |
| 5. | Nguyễn Thị Thùy Liên | Nữ | 21/12/1979 | Kỹ thuật xây dựng - 9580201 |
| 6. | Nguyễn Thế Minh | | 12/6/1983 | Kỹ thuật xây dựng - 9580201 |
| 7. | Đỗ Trọng Nghĩa | | 24/6/1987 | Kỹ thuật xây dựng - 9580201 |
| 8. | Mai Trọng Nghĩa | | 03/11/1977 | Kỹ thuật xây dựng - 9580201 |
| 9. | Vũ Hoàng Anh | Nữ | 01/10/2000 | Quản lý đô thị và công trình - 9580106 |
| 10. | Vũ Gia Bách | | 11/8/1996 | Quản lý đô thị và công trình - 9580106 |
| 11. | Nguyễn Thị Thùy Dương | Nữ | 05/01/1988 | Quản lý đô thị và công trình - 9580106 |
| 12. | Lê Thị Thanh Hà | Nữ | 26/10/1974 | Quản lý đô thị và công trình - 9580106 |
| 13. | Nguyễn Như Mạnh | | 10/11/1981 | Quản lý đô thị và công trình - 9580106 |
| 14. | Đặng Thị Nga | Nữ | 20/12/1985 | Quản lý đô thị và công trình - 9580106 |
| 15. | Trần Vượng Phúc | | 05/5/1995 | Quản lý đô thị và công trình - 9580106 |
| 16. | Nguyễn Tất Đạt | | 04/10/1994 | Kiến trúc - 9580101 |
| 17. | Đỗ Xuân Đạt | | 07/6/1998 | Kiến trúc - 9580101 |
| 18. | Lê Hồ Tuyết Ngân | Nữ | 27/02/1987 | Kiến trúc - 9580101 |
| 19. | Lê Bá Thái Quyền | | 18/10/1998 | Kiến trúc - 9580101 |
| 20. | Ngô Minh Thắng | | 05/7/1991 | Kiến trúc - 9580101 |
| 21. | Lê Văn Thiêm | | 07/12/1984 | Kiến trúc - 9580101 |
| 22. | Đào Thu Thủy | Nữ | 06/7/1988 | Kiến trúc - 9580101 |
| 23. | Trần Thanh Tùng | | 18/01/1990 | Kiến trúc - 9580101 |
| 24. | Nguyễn Thanh Vân | Nữ | 24/11/1995 | Kiến trúc - 9580101 |
| 25. | Hà Tiến Văn | | 21/7/1981 | Kiến trúc - 9580101 |

*Danh sách có 25 người./.*